

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ INHUS VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ INHUS VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: INHUS VIET NAM TRADING AND SERVICE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: INHUS., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108263276

3. Ngày thành lập: 09/05/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 61, ngõ 12, Đường Đào Tấn, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên dụng trong một bộ phận thông thường khác nhau về thể loại cấu trúc, yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị dùng riêng như: + Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, + Thử độ ẩm và các công việc thử nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Chôn chân trụ, + Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái bao phủ toà nhà, + Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, + Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, + Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao. - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài toà nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển.	4390

2.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản	6820
3.	Bán buôn tổng hợp	4690
4.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng: - Bán lẻ giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán lẻ đèn và bộ đèn; - Bán lẻ dụng cụ gia đình và dao kéo, dụng cụ cắt gọt; hàng gốm, sứ, hàng thủy tinh; - Bán lẻ sản phẩm bằng gỗ, lie, hàng đan lát bằng tre, song, mây và vật liệu tết bện; - Bán lẻ thiết bị gia dụng; - Bán lẻ nhạc cụ; - Bán lẻ thiết bị hệ thống an ninh như thiết bị khoá, kết sắt...không đi kèm dịch vụ lắp đặt hoặc bảo dưỡng;	4759
5.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
6.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
7.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng - Cho thuê không kèm người điều khiển, các thiết bị và đồ dùng hữu hình khác thường được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh: + Động cơ, + Dụng cụ máy, + Thiết bị khai khoáng và thăm dò dầu, + Thiết bị sản xuất điện ảnh, + Thiết bị đo lường và điều khiển, + Máy móc công nghiệp, thương mại và khoa học khác; - Cho thuê thiết bị vận tải đường bộ (trừ xe có động cơ) không có người điều khiển: + Mô tô, xe lưu động, cắm trại..., + Động cơ tàu hỏa; - Cho thuê thiết bị vận tải đường thủy không kèm người điều khiển: + Thuyền và tàu thương mại; - Cho thuê container; - Cho thuê palet;	7730
8.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
9.	Sản xuất pin và ắc quy	2720

10.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
11.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
12.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
13.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác.	4932
14.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
15.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
16.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
17.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
18.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
19.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) Chi tiết: Sửa chữa đặc biệt và bảo dưỡng cho tàu và hệ thống nổi.	3315
20.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới	4610
21.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
22.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
23.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
24.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Xe vận chuyển có hoặc không gắn thiết bị nâng hạ, cặp giữ loại dùng trong nhà máy, kho hàng, sân bay, bến cảng, sân ga xe lửa.	4511
25.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
26.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
27.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại	4719
28.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

29.	Đóng tàu và cầu kiện nổi Chi tiết: - Đóng tàu thương mại: tàu chở khách, phà, tàu chở hàng, xà lan, tàu dặt... - Đóng tàu đánh cá và tàu chế biến cá. Nhóm này cũng gồm: - Đóng tàu di chuyển bằng đệm không khí (trừ loại tàu dùng cho giải trí); - Thiết lập cầu kiện nổi: Sàn tàu nổi, thuyền phao, giếng kín, giàn nổi, phao cứu đắm, xà lan nổi, xà lan bốc dỡ hàng, cần trục nổi, mảng hơi không thể tái tạo... - Sản xuất các bộ phận cho tàu và cho cầu kiện nổi.	3011
30.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
31.	Thu gom rác thải độc hại	3812
32.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
33.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
34.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ	4781
35.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5221
36.	Cơ sở lưu trú khác Chi tiết: Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm	5590
37.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
38.	Cho thuê xe có động cơ	7710
39.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
40.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
41.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
42.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
43.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
44.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
45.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
46.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
47.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
48.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723

49.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng - khác trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;	4752
50.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
51.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
52.	Đại lý du lịch	7911
53.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình cửa như: + Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... + Đập và đê. - Xây dựng đường hầm; - Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.	4290
54.	Phá dỡ	4311
55.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
56.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
57.	Bốc xếp hàng hóa	5224

58.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.	4659(Chính)
59.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
60.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
61.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
62.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
63.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép.	4662
64.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa (trừ loại nhà nước cấm); - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.	4663

65.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh - Bán buôn cao su - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
66.	Đóng thuyền, xuống thể thao và giải trí Chi tiết: - Sản xuất xuống hơi và bè mảng; - Đóng thuyền buồm có hoặc không có trợ lực; - Đóng xuống máy; - Đóng tàu đệm không khí dùng cho giải trí; - Đóng thuyền phi cơ cá nhân; - Đóng tàu du lịch và tàu thể thao khác như: Ca nô, xuống caiac (xuồng gỗ nhẹ), xuống chèo, xuống nhỏ.	3012
67.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
68.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác Chi tiết: - Sản xuất gỗ lạng, ván mỏng và các loại ván, tấm mỏng - Sản xuất gỗ mảnh hoặc gỗ thớ, - Sản xuất gỗ ván ghép.	1621
69.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
70.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
71.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
72.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
73.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn chuyển giao công nghệ; Dịch vụ chuyển giao công nghệ; Môi giới chuyển giao công nghệ; Xúc tiến chuyển giao công nghệ.	7490
74.	Tái chế phế liệu	3830
75.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
76.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
77.	Điều hành tua du lịch	7912
78.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
79.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
80.	Sản xuất máy luyện kim	2823
81.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824

82.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
83.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
84.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
85.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
86.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
87.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
88.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Rang và lọc cà phê; - Sản xuất các sản phẩm cà phê như: cà phê hoà tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc; - Sản xuất các chất thay thế cà phê; - Trộn chè và chất phụ gia; - Sản xuất chiết suất và chế phẩm từ chè hoặc đồ pha kèm; - Sản xuất súp và nước xuyết; - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn; - Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạc và mù tạc; - Sản xuất giấm; - Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo; - Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: bánh sandwich, bánh pizza. Nhóm này cũng gồm: - Sản xuất các loại trà được thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã); - Sản xuất men bia; - Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm; - Sản xuất sữa tách bơ và bơ; - Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng; - Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt; - Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo.	1079
89.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
90.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
91.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
92.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
93.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
94.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
95.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396

96.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Sản xuất các chi tiết kim loại khác như : + Sản xuất chân vịt tàu và cánh, + Mỏ neo. (Khoản 1 Điều 45 Bộ Luật hàng hải Việt Nam)	2599
97.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
98.	Sản xuất xe có động cơ Chi tiết: Sản xuất động cơ cho thủy phi cơ	2910
99.	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	3510
100.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
101.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
102.	Xây dựng nhà các loại	4100
103.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
104.	Xây dựng công trình công ích	4220
105.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
106.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
107.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
108.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
109.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Các công việc phục vụ quá trình vận chuyển, giao nhận hàng hoá, vận chuyển hành khách và hành lý trên cơ sở hợp đồng vận chuyển bằng đường biển (kể cả hợp đồng vận tải đa phương thức); - Cho thuê, nhận thuê hộ phương tiện vận tải biển, thiết bị bốc dỡ, kho tàng, bến bãi, cầu tàu và các thiết bị chuyên dùng hàng hải khác.	5229
110.	Chuyển phát	5320
111.	Xuất bản phần mềm	5820
112.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn nước hoa, nước thơm, dầu thơm; - Bán buôn hàng mỹ phẩm: son, phấn, kem dưỡng da và trang điểm, mỹ phẩm dùng cho mắt...; - Chế phẩm vệ sinh: xà phòng thơm, nước gội đầu, sữa tắm, chế phẩm khử mùi hôi, khăn giấy, tã giấy, giấy vệ sinh...	4649
113.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
114.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420

115.	Đúc sắt, thép	2431
116.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
117.	Sản xuất đồng hồ	2652
118.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn thiết kế về phòng cháy và chữa cháy; - Tư vấn thẩm định về phòng cháy và chữa cháy; - Tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy; - Tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy; - Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng (Điều 151 Luật Xây dựng số 50/QH/ 2014); - Thiết kế quy hoạch xây dựng (Điều 47 Nghị định 59/2015/NĐ-CP về Quản lý dự án đầu tư xây dựng); - Tư vấn đấu thầu (Điều 113 Nghị định 63/2014/NĐ-CP Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu); - Tư vấn đánh giá hồ sơ dự thầu (Điều 18 Nghị định 63/2014/NĐ-CP Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu); - Tư vấn lập hồ sơ mời thầu (Khoản 8, Điều 4 Luật đấu thầu năm 2013).	7110
119.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
120.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
121.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
122.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
123.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
124.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
125.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
126.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
127.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
128.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
129.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
130.	Bán buôn đồ uống	4633
131.	Đúc kim loại màu	2432
132.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
133.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740

134.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí, + Lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy	4329
135.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Không bao gồm Đấu giá bán lẻ qua internet)	4791
136.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật Thương mại 2005)	8299
137.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
138.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)	7020
139.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
140.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
141.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Hoạt động đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, môi giới, ô tô và xe có động cơ khác	4513
142.	Dịch vụ đóng gói	8292
143.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
144.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
145.	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: - Sửa chữa lưới đánh bắt cá, bao gồm cả phục hồi; - Sửa chữa dây, đòn bẩy, buồm, mái che.	3319
146.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
147.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
148.	Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
149.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313

6. Vốn điều lệ: 9.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

Thời gian đăng từ ngày 09/05/2018 đến ngày 08/06/2018

11/13

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ ĐỨC TRƯỜNG	Thôn 8, Địa Linh, Xã Quỳnh Minh, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	247.500	2.475.000.000	25,000	0340870079 98	
			Tổng số	247.500	2.475.000.000	25,000		
2	LÊ ĐÌNH HÙNG	Thôn Bái Trang, Xã Quỳnh Hoa, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	247.500	2.475.000.000	25,000	151560916	
			Tổng số	247.500	2.475.000.000	25,000		
3	TRẦN VĂN QUẢNG	Thôn 6, Xã Việt Hùng, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	247.500	2.475.000.000	25,000	0340820080 70	
			Tổng số	247.500	2.475.000.000	25,000		
4	PHẠM HỒNG QUANG	P304-D7, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	247.500	2.475.000.000	25,000	0010640033 18	
			Tổng số	247.500	2.475.000.000	25,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN QUỐC PHƯƠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 11/01/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012780605

Ngày cấp: 24/08/2004

Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 364 phố Khâm Thiên, Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 364 phố Khâm Thiên, Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội